

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 450/QĐ-TTg*); trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 193/TTr-STNMT ngày 17/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Quyết định số 450/QĐ-TTg thuộc trách nhiệm của địa phương để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Phát huy tính chủ động trong phòng, chống, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu suy thoái tài nguyên thiên nhiên; nâng cao năng lực quản lý môi trường, bảo vệ và ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh môi trường và bảo đảm sức khỏe cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

- Xác định đầy đủ, cụ thể nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để triển khai Quyết định số 450/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

- Các nội dung của Kế hoạch được thực hiện nghiêm túc, chất lượng; gắn với trách nhiệm của Cơ quan quản lý Nhà nước ở tỉnh với chính quyền cơ sở; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của các Sở, Ban, ngành.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện gắn với công tác khen

thường, nhân rộng các mô hình điển hình hàng năm và giai đoạn theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ

1. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường

a) Phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Chú trọng quá trình phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng nguyên, nhiên vật liệu có thể tái tạo, tái sinh; ứng dụng các công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường và loại bỏ theo lộ trình các công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên, nhiên liệu, gây ô nhiễm môi trường. Hướng tới đạt được mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế đồng thời với giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong trồng trọt và các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, Hệ thống quản lý chất lượng ISO, HACCP vào sản xuất nông nghiệp; sử dụng tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa. Rà soát, phát triển sản phẩm có tiềm năng, lợi thế tại các địa phương, đẩy mạnh thực hiện Chương trình OCOP đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Chú trọng phát triển không gian xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, song hành với xây dựng nông thôn mới chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường

- Thực hiện phân vùng môi trường phù hợp với định hướng phân vùng phát triển kinh tế - xã hội theo phương án quy hoạch của tỉnh; tăng cường ngăn chặn, kiểm soát các hoạt động gây hại đến môi trường đặc biệt ở các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Yêu cầu các Chủ đầu tư chấp hành nghiêm việc thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường ngay từ giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư và các thủ tục về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường theo quy định. Đối với những dự án đã có thủ tục môi trường, Chủ đầu tư cần thực hiện nghiêm túc các nội dung, cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

c) Chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường

- Phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo mức độ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhóm cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn.

- Yêu cầu các dự án, cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chấp hành nghiêm việc thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định.

- Áp dụng và thực hiện theo lộ trình các giải pháp đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường cho khu dân cư đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng có chứa các chất dễ cháy, nổ, phóng xạ, độc hại, có nguy cơ tác động xấu đến sức khỏe con người, gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quy hoạch và lựa chọn địa điểm thực hiện dự án đầu tư. Ưu tiên bố trí quỹ đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn trong tất cả các quy hoạch có liên quan.

- Kiểm soát chặt chẽ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và các chất nguy hại khó phân hủy (PTS).

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm, kiên quyết tạm đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng. Xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

d) Chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các vấn đề môi trường xuyên biên giới

- Thực hiện các biện pháp về ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất; tăng cường công tác quản lý an toàn hóa chất, phóng xạ.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép nguyên liệu sản xuất dưới hình thức phế liệu, nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, gây ô nhiễm môi trường.

- Các huyện biên giới thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện các vấn đề môi trường tác động xuyên biên giới để có giải pháp xử lý, báo cáo, đề xuất cấp trên trong trường hợp vượt quá thẩm quyền.

2. Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường

a) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí

- Thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; đẩy mạnh phát triển hệ thống trạm quan trắc không khí tự động.

- Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong các đô thị và khu dân cư.

- Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo); áp dụng và thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

- Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng đô thị.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn trên địa bàn và yêu cầu thực hiện nghiêm túc việc quan trắc tự động, liên tục theo quy định; khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng.

b) Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng về phân loại rác tại nguồn; triển khai thực hiện mô hình thí điểm phân loại rác sinh hoạt tại nguồn, tiến tới triển khai đồng bộ thực hiện phân loại chất thải tại nguồn trên toàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Hạn chế và tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy, các sản phẩm nhựa dùng một lần tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam theo Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh với công nghệ phù hợp. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị thu gom và hệ thống trạm trung chuyển ở các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn. Kêu gọi xã hội hóa đầu tư cho công tác thu gom, xử lý chất thải rắn; ưu tiên xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và y tế; ngăn chặn hiệu quả tình trạng đổ chất thải nguy hại trái phép; khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, ít phát sinh chất thải nguy hại.

- Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định về môi trường và yêu cầu kỹ thuật; giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp, giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải thực phẩm.

c) Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ.

- Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị; triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải tập trung đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom; thúc đẩy tái sử dụng nước thải, bùn thải.

- Yêu cầu các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện nghiêm việc xử lý nước thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải; tăng cường kiểm soát các cơ sở có nguồn thải lớn trên địa bàn và yêu cầu thực hiện nghiêm túc việc quan trắc tự động, liên tục theo quy định.

- Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh; điều tra, xác định vùng hạn chế khai thác nước và thực hiện nghiêm việc hạn chế khai thác nước dưới đất đối với những vùng hạn chế khai thác nước; thực hiện nghiêm quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân đặc biệt ở khu vực đông dân cư, sông gần các lưu vực sông, suối, ao, hồ thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh đô thị, đổ rác thải đúng nơi quy định, không xả thải các loại chất thải ra môi trường xung quanh và xuống lưu vực sông.

d) Xử lý ô nhiễm, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hóa chất tồn lưu, bảo vệ môi trường đất

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ điều tra, đánh giá, phân loại, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường đất.

- Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả: Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ các khu vực có kết quả điều tra cận ô nhiễm; có biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng đất đảm bảo hiệu quả, hợp lý gắn với bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

đ) Tiếp tục cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người

- Thực hiện lồng ghép các giải pháp về cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án về cấp nước sạch, trong đó chú trọng đầu tư cải tạo, xây dựng mới các công trình, hệ thống cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn.

- Triển khai các dự án đầu tư thu gom, xử lý rác thải; xây dựng các hệ thống tiêu thoát nước, thu gom, xử lý nước thải tập trung khu vực đô thị, khu dân cư tập trung và cụm dân cư nông thôn.

- Quản lý việc cấp phép khai thác, xả thải và sử dụng tài nguyên nước đảm bảo an toàn cấp nước; quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các

nguồn gây ô nhiễm nguồn nước; chỉ đạo xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước phục vụ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động xả thải ra môi trường của các cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước; chú trọng kiểm soát ô nhiễm các lưu vực sông, đặc biệt đối với các nguồn cấp nước sinh hoạt.

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ sức khỏe cộng đồng đối với các dịch bệnh do các yếu tố môi trường gây ra.

3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên, mở rộng hệ thống các khu bảo tồn, các hành lang đa dạng sinh học

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường đối với các di sản thiên nhiên trên địa bàn. Thực hiện nội dung quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đối với di sản thiên nhiên trong đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, áp dụng cơ chế bồi hoàn đa dạng sinh học, đặc biệt đối với hệ sinh thái rừng và đất ngập nước.

- Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân đầu tư, thành lập, quản lý, sử dụng và phát triển bền vững các di sản thiên nhiên, các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học tự nguyện.

- Quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Thiết lập và quản lý bền vững các hành lang đa dạng sinh học kết nối các sinh cảnh nơi có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Tiếp tục mở rộng áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng, đất ngập nước và công viên địa chất.

b) Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái

- Lồng ghép nội dung bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển.

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ, phục hồi rừng tự nhiên; Khuyến khích trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung bằng các loài cây lâm nghiệp chủ lực, đặc sản, cây bản địa, cây gỗ lớn, cây dược liệu... phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh, tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm để góp phần phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tạo thương hiệu sản phẩm. Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng. Tiếp tục thực hiện công tác giao đất, giao rừng; thúc đẩy quản lý rừng bền vững.

- Ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác thực vật, động vật hoang dã, quý hiếm và phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật. Tăng cường năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, hạn chế đến mức thấp nhất số vụ và thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 – 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Ngăn chặn sự suy giảm các loài và nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học

- Thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, cây trồng vật nuôi được ưu tiên bảo vệ. Đẩy mạnh bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có nguy cơ tuyệt chủng; nâng cao nhận thức của cộng đồng về nguồn gen và đa dạng sinh học.

- Tăng cường ngăn chặn khai thác, săn bắt, đánh bắt, buôn bán trái phép thực vật, động vật hoang dã, quý hiếm; kiểm soát chặt chẽ hoạt động gây nuôi động vật hoang dã.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn sự du nhập, phát triển và giảm thiểu tác động của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại. Chú trọng kiểm soát rủi ro từ sinh vật biến đổi gen, quản lý nhập khẩu, cấp phép và nhân giống sinh vật biến đổi gen, đặc biệt đối với cây lương thực như ngô, đậu tương.

d) Tăng cường bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ và phát triển nguồn vốn tự nhiên

- Thực hiện các giải pháp tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để bảo vệ, nâng cao độ phì của đất; chú trọng phòng, chống xói mòn, suy thoái đất, xói lở bờ sông; phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng trọt bền vững.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước; kiểm soát, ngăn chặn và loại bỏ các hình thức đánh bắt, khai thác thủy sản mang tính hủy diệt. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt.

- Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản; yêu cầu các tổ chức, cá nhân tuân thủ các quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định và kiên quyết xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm; tận dụng môi trường phục hồi sau khai thác khoáng sản cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh đầu tư bảo vệ và phát triển các nguồn vốn tự nhiên. Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đối với đất rừng, mặt nước.

4. Chủ động bảo vệ môi trường để góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

a) Tăng cường bảo vệ môi trường để giảm tính dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Đắk Nông.

- Tiếp tục thực hiện trồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, tăng cường quản lý tổng hợp chất thải rắn, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính

- Thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng các vật liệu xây không nung, thân thiện với môi trường; kiểm soát các chất làm suy giảm tầng ô-dôn từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

- Thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn; thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý/tiêu hủy kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn; kiểm soát, giảm thiểu phát thải khí mê-tan từ các bãi chôn lấp chất thải rắn.

- Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+) đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới tư duy của các cấp, các ngành; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về quan điểm coi “Môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững”.

- Thực hiện đúng trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của UBND các cấp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Tăng cường giáo dục đạo đức môi trường, tình yêu thiên nhiên, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của con người Việt Nam. Đưa bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục các cấp. Xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục.

- Phát huy ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường của các doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao nhận thức, biến ý thức thành hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư. Hình thành và phát triển lối sống xanh, chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quản lý chất thải và vệ sinh môi trường.

- Phát hiện, nêu gương, khen thưởng kịp thời, tạo dựng các phong trào, nhân rộng các điển hình, mô hình tốt về bảo vệ môi trường.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với thể chế kinh tế thị trường

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong việc rà soát, xây dựng hoàn thiện ban hành các Luật liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường, các sản phẩm sinh thái; hỗ trợ các hoạt động xử lý, cải tạo ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng và thực hiện hợp phần bảo vệ môi trường tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan quản lý môi trường của địa phương bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở các văn bản quy định và hướng dẫn của Trung ương.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về môi trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từng bước chuyển đổi phương thức quản lý theo hướng giảm “tiền kiểm”, tăng “hậu kiểm”, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

4. Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, áp dụng cơ chế thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Đẩy mạnh phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan thanh tra và lực lượng cảnh sát môi trường.

- Tăng cường cung cấp, công khai, minh bạch thông tin trong quản lý môi trường đến cộng đồng, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ quản lý môi trường các cấp.

- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan truyền thông đối với bảo vệ môi trường; thực hiện hiệu quả quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh,... về các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Huy động đầu tư từ xã hội, tăng dần chi ngân sách, nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực về bảo vệ môi trường

- Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,....

- Tăng chi từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường, bảo đảm tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các nội dung chi ngân sách, ưu tiên cho tăng cường năng lực quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách.

- Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Quỹ bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông trong việc hỗ trợ tài chính cho các công trình bảo vệ môi trường của các dự án.

6. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ hiện có, áp dụng kỹ thuật công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực.

- Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin, viễn thám và các công nghệ hiện

đại trong quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát, quan trắc và cảnh báo về môi trường.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính về môi trường.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình quan trắc, giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ và được kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành; bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời. Từng bước chuyển đổi, số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về năng lượng tái tạo, tái sử dụng chất thải rắn, sử dụng chế phẩm an toàn sinh học vào đời sống của người dân địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường sinh thái.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế

- Thực hiện các cam kết trong các điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt trong các vấn đề về biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, chất thải nhựa.... Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; thúc đẩy thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các dự án quốc tế về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thúc đẩy dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Đắk Nông từ vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và các đề xuất dự án hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu (nếu có).

- Chú trọng hợp tác với quốc gia láng giềng về các vấn đề môi trường xuyên biên giới như bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí, kiểm soát săn bắt, buôn bán động thực vật hoang dã trái phép và sinh vật ngoại lai xâm hại.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định, phù hợp khả năng của địa phương.

3. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trong Kế hoạch. Đồng thời, theo nhiệm vụ cụ thể tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh huy động sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Yêu cầu các Sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNNTNMT(n).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

Phụ lục I:
CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số **499** /KH-UBND ngày **30** tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
I	Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát				
1	Tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,12	1,5	4
2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	48,3	71,7	90
3	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	20	>50	100
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	47,06	100	100
II	Các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi				
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện	80	90	100
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện	40	70	85
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện	23	<30	<30

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
8	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế	51,38	100	100
9	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định (%)	Sở Xây dựng	5	>50	>50
10	Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	50	50
11	Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	100	100
12	Tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học (%)	Sở Công Thương; Sở Văn hóa Thể thao Du lịch	-	100	100
13	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Sở Xây dựng	98	100	100
14	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43,16	55	60
15	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)	Sở Y tế	67,1	75	80
III	Tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học				
16	Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (ha)	Sở Tài nguyên và Môi trường	47.208.85	104.944,02	104.944,02
IV	Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính				
17	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38,06	> 40	> 42



TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Hiện trạng năm 2020	Lộ trình thực hiện	
				2025	2030
18	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo (mặt trời, gió) trong tổng cung năng lượng sơ cấp (%)	Sở Công Thương	55	78,3	85,5

2/



Phụ lục II:
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số 499 /KH-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Chương trình, kế hoạch, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
1	Truyền thông, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2023-2025	Chương trình/Kế hoạch
2	Triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2023-2025	Chương trình/Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện Chương trình tăng cường năng lực quản trắc môi trường đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2023-2025	Chương trình/Kế hoạch
4	Tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2023-2025	Chương trình/đề án
5	Đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước và công trình xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị từ loại V trở lên	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở, Ban, ngành liên quan	2023-2025	Chương trình/đề án
6	Triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình	Kế hoạch của UBND tỉnh
7	Triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2023-2025	Chương trình/Kế hoạch

STT	Chương trình, kế hoạch, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
8	Triển khai thực hiện Chương trình phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình	Kế hoạch của UBND tỉnh
9	Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa	2025	Đề án

/